TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2022/DS-ST
Ngày: 29-8-2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quãng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 589/2020/TLST-DS ngày 25 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86A/2022/QĐXXDS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 57/2022/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng C. Địa chỉ: Số 169, phố L, phường F, quận Y, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C: Ông Trần Đăng K – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCSXH ngày 19/9/2019).

2. *Bị đơn*: Bà Trần Thị H, sinh năm 1964. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Đại diện nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30/11/2020 đại diện nguyên đơn ông Trần Đăng K trình bày:

Ngân hàng C có ký các hợp đồng tín dụng cho bị đơn bà Trần Thị H vay tiền như sau:

Ngày 27/01/2013, bà Trần Thị H làm giấy đề nghị vay vốn chương trình Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn để xây dựng công trình nước sạch, công trình vệ sinh. Tổ tiết kiệm và vay vốn ấp B, xã T lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng C trình Ủy ban nhân dân xã T phê duyệt. Căn cứ vào danh sách trên, ngày 04/02/2013, Ngân hàng C giải ngân cho bà H vay số tiền 8.000.000 đồng, thời gian cho vay 60 tháng, lãi suất 0.75%/tháng, mã món vay 6000004900041998. Hình thức cho vay là ủy thác qua Đoàn Thanh Niên xã T, không có bảo đảm bằng tài sản.

Ngày 20/4/2015, bà H làm giấy đề nghị vay vốn chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để trang trải chi phí học tập cho anh Lê Thanh Duy được Tổ tiết kiệm và vay vốn ấp B, xã T bình xét và lập danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng C trình Ủy ban nhân dân xã T phê duyệt. Căn cứ vào danh sách trên, ngày 07/5/2015, Ngân hàng C giải ngân cho bà H vay số tiền 11.000.000 đồng và ngày 20/01/2016 bà H vay tiếp số tiền 12.500.000 đồng, Chương trình học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn để trang trải chi phí học tập cho anh Duy, thời gian cho vay 53 tháng, lãi suất 0.55%/tháng, mã món vay 6600000704161807, tổng số tiền hai lần giải ngân là 23.500.000 đồng. Hình thức cho vay là ủy thác qua Đoàn Thanh Niên xã T, không có bảo đảm bằng tài sản.

Đối với khoản vay Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn và khoản vay Chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đã đến hạn trả nợ nhưng bà H không thực hiện trả nợ, hiện tại Ngân hàng C đã chuyển sang nợ quá hạn của 02 khoản vay trên. Tính đến ngày 30/11/2020 tổng số tiền bà H phải trả cho Ngân hàng C là 41.483.451 đồng. (Trong đó nợ gốc 31.500.000 đồng, lãi tồn 9.983.451 đồng (lãi trong hạn 9.176.258 đồng, lãi quá hạn 807.193 đồng). Nay Ngân hàng C yêu cầu bà H phải trả số tiền 41.483.451 đồng và phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Trần Thị H:

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn bà H tham gia giải quyết vụ án nhưng bà H vắng mặt không tham gia, không có lý do. Qua xác minh chính quyền địa phương xã T xác định bà H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã T, có vay nợ của Ngân hàng C, có nhà và đất ở địa phương nhưng do nợ nần đã bỏ địa phương đi để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng (ông Khanh) có ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải, xét xử đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, phía bị đơn bà H vắng mặt lần thứ hai không lý do. Quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bà H thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án. Việc vắng mặt của bà H là cố tình nên đề nghị xét xử vắng mặt bà H theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự (tín dụng) giữa một bên là Ngân hàng C với một bên là bà Trần Thị H theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kết quả xác minh xác định bị đơn bỏ đi khỏi địa phương để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, bị đơn vẫn có nhà và đất tại xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bà H tham gia giải quyết vụ án nhưng bà H đều vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp: Ngày 25/12/2020, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền 41.483.451 đồng (gồm: 31.500.000 đồng tiền gốc và 9.983.451 đồng tiền lãi tính đến ngày 30/11/2020), yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3.1] Ngày 04/02/2013, Ngân hàng C giải ngân cho bị đơn vay số tiền 8.000.000 đồng để xây dựng công trình nước sạch, công trình vệ sinh, thời gian cho vay 60 tháng, lãi suất 0.75%/tháng, mã món vay 6000004900041998, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 04/02/2018. Ngày 07/5/2015, Ngân hàng C tiếp tục giải ngân cho bị đơn vay số tiền 11.000.000 đồng và ngày 20/01/2016, bị đơn vay tiếp số tiền 12.500.000 đồng, Chương trình Học sinh sinh viên, thời gian cho vay 53 tháng, lãi suất 0.55%/tháng, mã món vay 6600000704161807, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 04/10/2020. Cả hai món vay này của bị đơn đều được giải ngân trên cơ sở đề nghị vay vốn của bị đơn đã được Ủy ban nhân dân xã T phê duyệt. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại điểm a

khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự; Như vậy có cơ sở xác định bị đơn bà H đã vay của Ngân hàng C tổng số tiền 31.500.000 đồng theo hai hợp đồng tín dụng đã nêu ở trên. Nay Ngân hàng C yêu cầu bà H phải trả lại số tiền vay là 31.500.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3.2] Kết quả xác minh xác định, bị đơn đã bỏ đi khỏi địa phương để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Có cơ sở xác định bị đơn đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tổng số tiền là 47.173.332 đồng (gồm: 31.500.000 đồng tiền gốc và 15.673.332 đồng tiền lãi tính đến ngày 29/8/2022) do bị đơn vi phạm hợp đồng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, hai bên đã thỏa thuận lãi suất trong hạn và quá hạn cho từng khoản vay. Do bị đơn vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn còn phải tiếp tục chịu tiền lãi theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong các khoản vay cho nguyên đơn là phù hợp nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Quan điểm về nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 470, 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 11, Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C đối với bị đơn bà Trần Thị H về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Trần Thị H thanh toán cho Ngân hàng C – Phòng giao dịch Ngân hàng C số tiền 47.173.332 đồng (bốn mươi bảy triệu một trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm ba mươi hai đồng), bao gồm: 31.500.000 đồng (ba mươi mốt triệu năm trăm ngàn đồng) tiền gốc và 15.673.332 đồng (mười lăm triệu sáu trăm bảy mươi ba ngàn ba trăm ba mươi hai đồng) tiền lãi tính đến ngày 29/8/2022). Trong đó: 8.000.000 đồng (tám triệu đồng) tiền gốc, tiền lãi trong hạn 4.717.351 đồng (bốn triệu bảy trăm mười bảy ngàn ba trăm năm mươi một đồng), lãi quá hạn 1.190.890 đồng (một triệu một trăm chín mươi ngàn tám trăm chín mươi đồng) theo mã món vay 6000004900041998 và 23.500.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng) tiền gốc, tiền lãi trong hạn 8.828.637 đồng (tám triệu tám trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm ba mươi bảy đồng), tiền lãi quá hạn

936.454 đồng (chín trăm ba mươi sáu ngàn bốn trăm năm mươi bốn đồng) theo mã món vay 6600000704161807 tiền lãi tính đến ngày 29/8/2022.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trần Thị H còn phải chịu tiền lãi của số tiền vay gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hai hợp đồng tín dụng đã ký kết (mã món vay 6000004900041998 và 66600000704161807) cho đến khi thanh toán xong số tiền vay gốc.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị H phải chịu 2.358.666 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi tám ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

Ngân hàng C thuộc trường hợp không phải chịu án phí theo quy định.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHADS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Quãng